

QUAN HỆ QUỐC TẾ**CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA HOA KỲ
TRƯỚC VÀ SAU VỤ KHỦNG BỐ 11/9**

Đỗ Trọng Quang

Chủ trương đánh phủ đầu

Một năm sau vụ khủng bố 11/9 tại Mỹ, Chính phủ của Tổng thống Bush chính thức công bố chiến lược an ninh quốc gia, trong đó có đoạn viết: “Hoa Kỳ sẽ không do dự tấn công phủ đầu kẻ thù... và sẽ không bao giờ cho phép thế ưu trội quân sự của mình bị một siêu cường kình địch đe dọa”. Bản tuyên bố này lập tức bị dư luận quốc tế chỉ trích dữ dội. Tờ báo *Guardian* cho những lời lẽ đó là “ngạo mạn, kẻ cả, tự mãn, và quá táo bạo, nhưng trước hết là hung hăng”⁽¹⁾. Tại châu Âu và ngay ở nước Mỹ, nhiều báo chí lên tiếng phản đối, họ cho chiến lược mới là sản phẩm của một nhóm điều hâu tân bảo thủ, gồm Phó Tổng thống Dick Cheney và Thứ trưởng Quốc phòng Paul Wolfowitz, những người mà ngay từ đầu những năm 1990 đã tấn thành chủ nghĩa đơn phương, địa vị bá chủ quân sự và chủ trương đánh phủ đầu của Mỹ. Trong khi ký giả David Armstrong viết trong tờ *Harper’s Magazine* rằng chiến lược đó nhằm mục đích để “Hoa Kỳ thống trị thế giới”, thì tờ *Le Monde Diplomatique* của Pháp nói rằng: “Một học thuyết đế quốc đang hình thành dưới thời George Bush”. Ngược lại, theo cách đánh giá của một luồng dư luận khác, Chính phủ Mỹ nêu lên học thuyết trên là do họ hoảng sợ

trước sự đe dọa tấn công của các tổ chức khủng bố.

Trước sự kiện 11/9, Chính phủ Mỹ đã lo sợ chủ nghĩa khủng bố, nhưng hầu như chưa có hành động thiết thực nào. Tuy nhiên, khi bắt đầu lên cầm quyền, Tổng thống Bush cùng cố vấn của ông được các nhà phân tích tình báo cho biết chủ nghĩa khủng bố là một nguy cơ lớn của an ninh quốc gia, nó có thể gây rất nhiều thương vong ở nước Mỹ, và Al-Qaeda đang chuẩn bị hành động ngay trong lòng nước Mỹ. Tổ chức khủng bố quốc tế này, được Taliban che chở, đã huấn luyện 15.000 tay súng ở Afghanistan vào cuối những năm 1990. Tháng 2/1998, Osama bin Laden ra chỉ thị cho các mạng lưới khủng bố của hắn như sau: “Giết người Mỹ và đồng minh của chúng được coi là một nhiệm vụ cá nhân của bất cứ người Hồi giáo nào có thể làm được ở bất cứ nước nào”⁽²⁾.

Cục Tình báo Trung ương (CIA) Mỹ chẳng lạ gì những nhóm khủng bố này hỗ trợ lẫn nhau, ngày càng sử dụng thành thạo công nghệ mới, tận dụng kẽ hở của các biên giới quốc gia để luồn lọt từ nước này sang nước khác. Các quan chức cao cấp Mỹ như Tổng thống Bush, Bộ trưởng Quốc phòng Rumsfeld, và Thứ trưởng Wolfowitz thừa biết nguy cơ do Al-Qaeda gây ra cùng lời đe dọa giết người Mỹ. Trước đó, trong thời gian từ

năm 1993 đến 1998, số công dân Mỹ chết trong các cuộc khủng bố là 54 người. Tiếp theo, 12 người trong năm 1998, 5 người trong năm 1999, và 19 người năm 2000 trở thành nạn nhân. Các tổ chức khủng bố huấn luyện lẫn nhau, đôi khi chia sẻ cho nhau tin tức tình báo và phương tiện hậu cần, cộng tác với nhau lập và thực hiện kế hoạch tấn công. Sau sự kiện 11/9, bà Condoleezza Rice, lúc đó là Cố vấn an ninh của Tổng thống, tuyên bố rằng “vụ 11/9 bộc lộ rõ điểm yếu của chúng ta”. Ngoại trưởng Powell thì nói rằng, ngày 11/9, “một thực tế mới gắn kết bọn khủng bố, vũ khí hủy diệt hàng loạt...” với nhau.

Sự kiện 11/9 chứng minh cho các quan chức Mỹ thấy những tên khủng bố tấn công nước họ đã chuẩn bị kế hoạch từ lâu, lén lút tập hợp phương tiện, và hành động khi có thời cơ. Chẳng có dấu hiệu nào báo trước, đến nỗi Thứ trưởng Quốc phòng Wolfowitz phải thốt lên trước cuộc điều trần của Quốc hội về những biến cố đưa đến vụ 11/9: “Bằng chứng về một nguy cơ sắp xảy ra là đâu?” Sau ngày 11/9, ông nhấn mạnh: “Chúng ta đã biết rất rõ bọn khủng bố có thể làm gì bằng máy bay thương mại... Chúng ta không thể cứ đợi đến khi biết thật rõ điều bọn khủng bố có thể thực hiện bằng vũ khí hủy diệt hàng loạt thì mới hành động để ngăn chặn”. Tiếp theo ông Wolfowitz, Bộ trưởng Rumsfeld thừa nhận: “Đối với tất cả chúng ta, những người đã từng lớn lên ở đất nước này, và tin vào nguyên tắc rằng ta không tấn công nếu không bị tấn công, thì khó mà chấp nhận khái niệm đánh phủ đầu” và “ở thế kỷ 21, với vũ khí sinh học... có thể giết chết hàng trăm nghìn người, thì ta làm gì? Phải chăng ta đợi đến khi bị tấn công...”⁽³⁾.

Do đó, đánh phủ đầu là chính sách cần thi hành để tránh lâm vào thế bị động, nhưng ngoài đánh phủ đầu, các quan chức quốc phòng còn muốn có những khả năng quân sự mới để làm cho đồng minh yên tâm và để răn đe kẻ thù. Nếu răn đe không có kết quả, thì họ muốn tiến hành chiến tranh nhanh chóng và đánh gục địch thủ dứt khoát. Dĩ nhiên, họ chỉ tiến hành chiến tranh khi không còn lựa chọn nào khác, nhưng theo các nhà chiến lược, thì lực lượng Hoa Kỳ nên “đủ mạnh để can ngăn kẻ thù tiềm tàng” đang tìm cách sánh ngang hay vượt trội sức mạnh của Mỹ⁽⁴⁾.

Suốt thời kỳ đầu lịch sử Hoa Kỳ, nước này dựa vào hải quân Anh để đương đầu với địch thủ ở châu Âu, trong khi triển khai sức mạnh trên bộ chống người Tây Ban Nha, Mexico và dân da đỏ bản địa. Khi nào cần, các nhà hoạch định chính sách sẽ huy động lực lượng bổ sung đối phó với kẻ thù. Ví dụ, các tổng thống Thomas Jefferson và James Madison đã xây dựng một lực lượng hải quân nhỏ để đánh bọn cướp biển Barbary. Đầu thế kỷ 20, Hoa Kỳ hoảng hốt trước sự lớn mạnh của hải quân Đức, lại còn bực bội vì ưu thế của hải quân Anh, nên quyết tâm xây dựng một lực lượng hải quân hiện đại của mình để đứng ngang hàng với các nước sau Đại chiến thế giới thứ nhất. Sau Đại chiến thứ hai, Tổng thống Truman chủ trương duy trì thế ưu trội quân sự của Hoa Kỳ, vì đã rút được bài học từ thất bại ở trận Trân Châu Cảng. Ông còn tìm cách giữ độc quyền hạt nhân càng lâu càng tốt, tuy sẵn sàng thảo luận về việc kiểm soát quốc tế đối với vũ khí nguyên tử. Mặc dù nhiều nhà sử học nghĩ rằng chính sách của Mỹ trong thời kỳ Chiến tranh lạnh là kiềm chế và răn đe, nhưng nước Mỹ

thật ra vẫn theo đuổi mục đích duy trì sức mạnh ưu trội.

Các chính sách của Hoa Kỳ trong thời kỳ Chiến tranh lạnh không phải chỉ để kiểm chế sức mạnh của Liên Xô, mà còn để đẩy lùi ảnh hưởng của nước đó. Đối mặt với sức mạnh quân sự ngày càng lớn của Liên Xô, với sự ra đời của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, và phong trào dân tộc khắp Thế giới thứ Ba, các học thuyết Truman, Eisenhower, và Carter đều tính đến việc triển khai lực lượng chống sự bành trướng của khối xã hội chủ nghĩa. Mặc dù không phải tất cả các học thuyết đó đều quy định dùng sức mạnh quân sự đánh phủ đầu, nhưng Eisenhower triển khai lực lượng ở Lebanon, Johnson can thiệp quân sự vào Cộng hòa Dominica, Reagan tấn công Lybia, Kennedy phong tỏa Cuba, Nixon ra lệnh ném bom Campuchia và Lào đều là hành động đơn phương, đánh phủ đầu.

Vậy cố gắng giành ưu thế quân sự cũng như chiến lược đánh đòn phủ đầu của Chính quyền Bush chẳng có gì khác đường lối của các tổng thống trước. Bà Condoleezza Rice nhấn mạnh: “Đánh phủ đầu không phải là một khái niệm mới. Chẳng có yêu cầu về đạo đức hay luật pháp nào đòi hỏi một nước phải đợi bị tấn công rồi mới xử lý những mối đe dọa hiện có... Hoa Kỳ từ lâu đã khẳng định quyền hành động trước để tự vệ, từ cuộc khủng hoảng tên lửa ở Cuba năm 1962 đến cuộc khủng hoảng trên bán đảo Triều Tiên năm 1994”⁽⁵⁾. Như thế là bà Rice đã xác nhận tính liên tục trong chính sách của Hoa Kỳ, đánh phủ đầu có một truyền thống lâu đời trong lịch sử nước Mỹ. Năm 1904, Tổng thống Theodore Roosevelt đơn phương khẳng định quyền can thiệp quân sự của Hoa Kỳ ở Tây bán cầu để duy trì

trật tự. Hoa Kỳ liên tiếp can thiệp ở Cuba, Cộng hòa Dominica, Nicaragua và Haiti. Quân đội Mỹ đóng ở Nicaragua từ năm 1912 đến 1933, ở Haiti từ năm 1915 đến 1934, tại Cộng hòa Dominica từ năm 1916 đến 1924. Thứ trưởng Quốc phòng Wolfowitz nói rằng, đánh phủ đầu “không phải là một cuộc chơi mà chúng ta sẽ thắng bằng phòng thủ. Chúng ta chỉ thắng bằng tấn công”⁽⁶⁾.

Khuynh hướng tấn công, đánh đòn phủ đầu đã được cả hai đảng Cộng hòa và Dân chủ ủng hộ từ lâu trước khi nó được Bộ trưởng Rumsfeld và Thứ trưởng Wolfowitz công bố là chiến lược an ninh quốc gia. Trong một chỉ thị năm 1995, Tổng thống Bill Clinton đã chuẩn y chính sách mới chống khủng bố là “răn đe và đánh chặn trước, bắt giữ và khởi tố... các cá nhân thực hiện, hoặc trù tính thực hiện, những cuộc tấn công khủng bố, cô lập chúng và đòi trả một giá đắt...”. Qua đó ta càng thấy đánh phủ đầu là sợi chỉ xuyên suốt chiến lược của Hoa Kỳ từ lâu. Năm 1991, Bộ Quốc phòng của Tổng thống Bill Clinton lập ra một ủy ban an ninh quốc gia ở thế kỷ 21. Ủy ban này gồm những người thuộc cả hai đảng, và không phải do những kẻ điều hâu tân bảo thủ cầm đầu, mà do Gary Hart, một đảng viên Dân chủ có tư tưởng tự do, và Warren Rudman, đảng viên ôn hòa của đảng Cộng hòa, phụ trách. Từ lâu trước khi xảy ra sự kiện 11/9, Ủy ban đã tiên đoán một tình hình hỗn loạn trên thế giới, xung đột sắc tộc và tôn giáo tăng lên, các tổ chức khủng bố sinh sôi nảy nở, vũ khí hủy diệt hàng loạt tràn lan, vì thế khả năng chống đỡ của Hoa Kỳ “ngày càng yếu trước đòn tấn công thù địch vào đất nước chúng ta”. Chính phủ Mỹ sẽ không thể trông cậy ở các

quan hệ đồng minh truyền thống, rắn δε “sẽ không có tác dụng như trước”⁽⁷⁾.

Hầu hết những người ở Hoa Kỳ từng nghiên cứu vấn đề an ninh quốc gia những năm 1990 đều thấy rõ nguy cơ nghiêm trọng của chủ nghĩa khủng bố, và đều hình dung bóng ma một cuộc tấn công nước Mỹ bằng vũ khí hủy diệt hàng loạt. Tuy nhiên, nhiều chuyên gia, kể cả Powell và Rice, đều nhấn mạnh “phải sử dụng đòn phủ đầu một cách thận trọng”. Đó chỉ là một trong nhiều cách có thể sử dụng. Bà Condoleezza Rice nói rằng, sẽ có rất ít trường hợp việc đánh phủ đầu có thể được biện minh. Nó “không bật đèn xanh - cho Hoa Kỳ hay bất cứ nước nào - để hành động mà không tận dụng các phương tiện khác...”⁽⁸⁾. Các vị ấy cho rằng sở dĩ Hoa Kỳ triển khai lực lượng chống chủ nghĩa khủng bố và huy động sức mạnh kinh tế để thúc đẩy tăng trưởng ở các nước, vì cho rằng điều đó có lợi cho sự phát triển chế độ dân chủ. Nhưng lịch sử nước Mỹ cho thấy, nỗ lực phát huy dân chủ có đạt kết quả tốt đẹp nhưng cũng đem lại thất bại đáng kể. Hoa Kỳ đóng quân ở Haiti, Nicaragua, và Cộng hòa Dominica, như đã nói trên, đã để lại một di sản dân chủ không đáng ước muốn. Sau Đại chiến thế giới thứ hai, sự giúp đỡ của Hoa Kỳ cho công cuộc khôi phục và thịnh vượng của Đức, Nhật, và Áo thật đáng hoan nghênh, nhưng thành công đó thật ra có phần đóng góp của quá trình xã hội bên trong cũng như hoàn cảnh bên ngoài của những nước này. Một số nhà nghiên cứu đã bi quan nghĩ rằng thành công đó sẽ không lặp lại ở thế giới thứ ba.

Các cố vấn an ninh quốc gia của Tổng thống Bush nói rằng chính sách của họ tập trung vào mục đích thúc đẩy dân chủ và phát triển kinh tế.

Theo lời bà Condoleezza Rice, nước Mỹ sẽ đấu tranh với “nghèo nàn, bệnh tật, và áp bức vì đây là điều đáng làm”⁽⁹⁾. Cả Tổng thống và các cố vấn của ông đều nói rằng, nhiều quy định trong chính sách của Hoa Kỳ trở thành điều kiện tiên quyết để xây dựng một thế cân bằng lực lượng có lợi cho tự do. Tuy nhiên, cũng có người nghĩ rằng cân bằng lực lượng là một khái niệm lộn xộn và vô nghĩa, thiên về xu hướng hành động đơn phương và giải pháp quân sự, trái ngược với truyền thống nước Mỹ và không góp phần đối đầu với thách thức trước mắt.

Ý tưởng về cân bằng lực lượng và cộng đồng lực lượng

Khi đứng trước thách thức mới, Hoa Kỳ lại không chủ trương xây dựng thế cân bằng lực lượng, mà nói đến một cộng đồng lực lượng. Trước kia, khi suy nghĩ về sự can thiệp của Hoa Kỳ vào đại chiến thế giới thứ nhất, Tổng thống Woodrow Wilson tuyên bố: “Hòa bình không thể... dựa trên một thế cân bằng lực lượng quân sự, mà là một cộng đồng lực lượng.” Wilson chủ trương một cộng đồng lực lượng dựa trên quyền tự quyết của các dân tộc và sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia. Theo ông, nhân dân có quyền lựa chọn chính phủ của mình và có quyền sống không phải sợ hãi. Họ có quyền tự do đi lại trên các biển và buôn bán bình đẳng. Trái lại, các chính phủ có trách nhiệm hạn chế vũ trang, và cộng tác với nhau gìn giữ hòa bình. Nền hòa bình sẽ được bảo đảm bằng sức mạnh tinh thần có tổ chức của nhân loại, được động viên qua Hội quốc liên. Wilson không phủ nhận tầm quan trọng của sức mạnh, nhưng ông nói về một cộng đồng sức mạnh.

Tuy vậy, Wilson đã tưởng tượng về một nguy cơ chưa từng thấy, rồi đến năm 1946 và 1947, những người kế nghiệp ông lại khôi phục ảo ảnh về nguy cơ tương tự và đưa ra giải pháp tương tự. Cuối những năm 1930, hàng triệu người Mỹ chẳng thấy nguy cơ nào đe dọa an ninh quốc gia, nhưng Tổng thống Roosevelt tưởng tượng ra một thế giới bị các cường quốc phe Trục thống trị, và kết luận rằng nước Mỹ không thể tồn tại trong thế giới đó. Rồi đến năm 1947, Tổng thống Truman cùng các cố vấn của ông hình dung ra một thế giới bị thống trị bởi các chính phủ cộng sản có quan hệ với Liên Xô, và kết luận rằng thế giới đó sẽ không để tự do được duy trì ở nước Mỹ. Cả Wilson, Roosevelt và Truman đều tưởng tượng ra một thế giới chỉ gồm những dân tộc bất mãn bị những kẻ cầm quyền chuyên chế cai quản, những kẻ không đếm xỉa đến luật lệ, chỉ chăm phát triển vũ khí mới, thích chiến tranh và thống trị. Trong thế giới đó, chẳng quốc gia tự do nào có thể sống sót và phồn thịnh. Bây giờ, ông Bush lại thấy nước ông đứng trước mối đe dọa tương tự. Ông nhấn mạnh rằng, ông sẽ “không tha thứ sự tàn bạo của những kẻ chuyên chế”, vì “chúng ta đang ở trong cuộc xung đột giữa thiện và ác... Kẻ thù của chúng ta là những kẻ bạo ngược, sùng bái sức mạnh, không đếm xỉa đến nhân phẩm”.

Lúc tình hình căng thẳng, những người tiên nhiệm của ông Bush không nói đến cân bằng lực lượng. Trong thời gian cuộc Chiến tranh lạnh gay go nhất, Tổng thống John F. Kennedy đã nói trong diễn văn nhậm chức rằng “hãy để mọi quốc gia biết rằng... chúng ta sẽ trả bất cứ giá nào, mang bất cứ gánh nặng nào, đương đầu với bất cứ khó khăn nào, ủng hộ bất cứ bạn bè nào, chống lại

bất cứ kẻ thù nào để bảo đảm sự sống còn và thành công của tự do”, nhưng sau đó, ông bày tỏ hy vọng ở một kỷ nguyên hợp tác. Ông nói “cả hai bên nên kết hợp với nhau trong một nỗ lực mới, không phải một thế cân bằng lực lượng mới, mà là một thế giới mới của luật pháp...”

Nếu như nguy cơ lớn sắp tới là chủ nghĩa khủng bố kết hợp với vũ khí hủy diệt hàng loạt thì, theo lời bà Condoleezza Rice, xây dựng thế cân bằng lực lượng là cách tiếp cận khá lạ lùng của Mỹ trước nguy cơ chưa từng thấy. Đây là cách giải quyết lộn xộn, vì người ta nói tới cân bằng trong khi Chính quyền Bush muốn chiếm địa vị bá chủ. Về mặt lịch sử, cân bằng lực lượng gắn liền với nguyên tắc không can thiệp vào nội bộ của nhau, nhưng chính sách của Mỹ lại nhằm thay đổi chế độ các quốc gia khác.

Vậy cân bằng lực lượng hay cộng đồng lực lượng? Lực lượng nào cần được cân bằng? Hiện nay, chẳng quốc gia nào thách thức sức mạnh của Mỹ. Điểm yếu của nước Mỹ không phải là do nước đó không đủ sức mạnh. Như thế, nếu cân bằng lực lượng được hiểu theo nghĩa cổ điển của người Mỹ, thì nó sẽ gây ra phản ứng của những quốc gia muốn làm đối trọng với tham vọng của Mỹ. Và chủ trương đánh phủ đầu của Hoa Kỳ sẽ khuyến khích các chính phủ khác thực hiện hành động đơn phương của họ, như vậy thế giới sẽ rối loạn hơn và nhiều nguy hiểm hơn.

Còn về cộng đồng lực lượng thì sao? Sở dĩ ông Woodrow Wilson kêu gọi cộng đồng lực lượng vì ông tiên đoán rằng, củng cố an ninh bằng nỗ lực đơn phương sẽ gây ra chạy đua vũ trang và làm tăng nguy cơ. Ông cho rằng xung đột giữa các quốc gia có thể được

giải quyết tốt nhất bằng các thể chế đa phương mang khái niệm an ninh tập thể. Theo Wilson, cộng đồng sức mạnh có nghĩa là hạn chế vũ-trang, mở rộng hợp tác kinh tế, và trước hết là xây dựng những chuẩn mực, luật lệ và thể chế để ngăn chặn nguy cơ đối với an ninh, một nguy cơ thể nào cũng nảy sinh từ hành động đơn phương, dù hành động đó được thực hiện vì cái thiện hay cái ác. Nhiều người nghĩ rằng Hoa Kỳ, với sức mạnh kinh tế hùng hậu của mình, có thể đóng góp nhiều hơn vào an ninh và ổn định của thế giới bằng cách trợ giúp nhiều hơn cho các nước nghèo.

Thượng nghị sĩ Richard Lugar, Chủ tịch Ủy ban Đối ngoại, đã nhẹ nhàng trách Ngoại trưởng Colin Powell hồi tháng 2/2003 về khoản tiền ít ỏi dành cho các mặt phi quân sự của chính sách đối ngoại. Ông nói: “Trợ giúp của Hoa Kỳ cho nước ngoài giảm khoảng 44% từ khi Ronald Reagan làm Tổng thống năm 1985, và khoảng 18% từ lúc Liên Xô sụp đổ năm 1991”. Theo lời Lugar, Hoa Kỳ đứng cuối cùng trong số các nước chính cung cấp viện trợ cho thế giới đang phát triển. Mặc dù Chương trình Phát triển của Liên hợp quốc (UNDP) và Ngân hàng Thế giới (WB) thúc giục bỏ các khoản trợ cấp nông nghiệp, nhưng Tổng thống Bush ngập ngừng mãi rồi mới làm. Như thế, trợ giúp để phát triển chẳng phải là vấn đề duy nhất phản ánh sự thiếu nhất quán giữa lời nói và việc làm của chính phủ Mỹ. Tuy Chính phủ Mỹ cam kết ủng hộ quyền của phụ nữ và tăng cường sức khỏe trẻ em ở các quốc gia nghèo nhất, nhưng họ lại kìm hãm việc tài trợ cho vấn đề này. Mặc dầu họ cam kết xóa bỏ nghèo khổ ở các nước khốn cùng nhất, nhưng họ lại cắt giảm tiền giúp đỡ châu Phi phát triển.

Ông Bush không rút kinh nghiệm ở cách hành xử của các tổng thống trước trong thời kỳ khủng hoảng, tìm hiểu nguyên nhân chủ yếu của nguy cơ và xây dựng thể chế lâu dài để bảo đảm an ninh. Ví dụ, Wilson tập trung vào việc thành lập Hội quốc liên; Franklin Roosevelt giúp xây dựng Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), Ngân hàng Thế giới và Liên hợp quốc; Truman, Eisenhower và Kennedy tìm cách thiết kế những công cụ kinh tế và chính trị hỗ trợ cho việc khôi phục nước Đức và nước Nhật, sau đó đưa những nước này hội nhập vào hệ thống quốc tế một cách hòa bình. Năm 1947, khi Chiến tranh lạnh bùng phát gay go, Tổng thống Truman cũng nói rằng thế giới chia thành cái thiện và cái ác, nhưng ông vẫn đặt việc tái thiết châu Âu lên trên chủ trương tái vũ trang nước Mỹ. Mặc dù Wilson, Roosevelt và Truman chưa bao giờ từ bỏ việc sử dụng vũ lực và luôn luôn nói đến quyền tự do hành động đơn phương, nhưng họ đưa ra những chủ trương khác khi đứng trước nguy cơ. Còn ông Bush và cố vấn của ông đã coi thường các chuẩn mực, thể chế và luật lệ trong quan hệ quốc tế, khi tìm kiếm địa vị bá chủ, rêu rao quyền can thiệp đơn phương, và bác bỏ Nghị định thư Kyoto.

Kết luận

Tuy vậy, Tổng thống Bush không sai lầm khi ông lo lắng vũ khí hủy diệt hàng loạt rơi vào tay bọn khủng bố, nhấn mạnh nguy cơ mà loài người phải đối mặt, tin rằng tiến bộ trong công nghệ sẽ bị các phần tử khủng bố lợi dụng. Ông có lý khi hiểu rằng kẻ hở của biên giới quốc gia có thể tạo cơ hội cho hành động phá hoại, nhiều nước trở thành nơi ẩn náu của chủ nghĩa khủng bố. Ông Bush, cũng giống như Wilson, Roosevelt, Truman

cùng những người kế nhiệm họ trong thời kỳ Chiến tranh lạnh, có lý khi nhận thấy nguy cơ tiềm ẩn trong môi trường quốc tế. Nhưng cách đối phó không phải là lựa chọn giữa cân bằng lực lượng hay cộng đồng lực lượng, mà trước hết phải nhận thức rằng nếu cộng đồng quốc tế muốn tồn tại, thì giá trị cốt lõi của nó phải được tái khẳng định tập thể, chuẩn mực và quy tắc phải được đề ra theo lối đa phương. Người Mỹ không thể mong cộng đồng quốc tế phục tùng sức mạnh của họ.

Mọi người đang hy vọng ở hành động tỉnh táo của Hoa Kỳ, vì khi những người thân cận Tổng thống Bush đề ra chiến lược an ninh quốc gia, họ nghĩ rằng đánh phủ đầu không phải là cách lựa chọn đầu tiên. Kết quả đánh giá dư luận ở Mỹ mùa Hè năm 2002, tức là gần một năm sau vụ 11/9, khiến những người bị coi là điều hâu tân bảo thủ phải suy nghĩ. Mặc dù người Mỹ nhận thấy có nguy cơ mới đe dọa, nhưng khi được hỏi bài học tốt nhất rút ra được từ sự kiện đó là gì, 75% tán thành sử dụng vũ lực loại bỏ Saddam Hussein, nhưng chỉ có 20% muốn Hoa Kỳ hành động đơn phương trong việc đó. Về việc phân bổ ngân sách quốc gia, 78% ủng hộ giúp đỡ các nước nghèo, còn những người tán thành tăng chi phí quốc phòng chỉ chiếm thiểu số.

Kết quả điều tra đó cho thấy đa số nhân dân Mỹ không chủ trương sử dụng đòn phủ đầu và sức mạnh quân sự đơn phương. Trong quá khứ, mỗi khi đứng trước nguy cơ đe dọa đất nước, các lãnh tụ lớn của Hoa Kỳ

thường chú trọng đến thể chế, chuẩn mực và quan hệ đồng minh để làm sao kết hợp hài hòa lợi ích của nước Mỹ với quyền lợi của cộng đồng rộng lớn hơn, ví dụ như Tổng thống Woodrow Wilson nói rằng hòa bình phải được củng cố bằng sức mạnh tinh thần có tổ chức của nhân loại. Khi đề ra một học thuyết an ninh, khi chủ trương dùng sức mạnh, Hoa Kỳ nên tính đến nhu cầu của bè bạn, phản ứng của đối phương, và lợi ích của cộng đồng quốc tế ■

Tài liệu tham khảo:

1. *Financial Times*, 22-23 Sept. 2002.
2. *Guardian*, 24 Sept. 2002.
3. *Harper's Magazine*, Oct. 2002.
4. Condoleezza Rice, *A balance of power that favors freedom*, 1 Oct. 2002.
5. Ninkovich, *Wilsonian century*.
6. Presidential decision directive 39, "US policy on counterterrorism".
5. *International Affairs*, 79, 5 (2003).
8. John L. Mearsheimer, *The tragedy of great power politics* (New York: Norton, 2004).

Chú thích:

- (1) *Guardian*, 24 Sept. 2002.
- (2) *Two hours that shock the world* (London: Saqi, 2002), pg. 218-219.
- (3) Rumsfeld, press conference, 29 Jan. 2003, CNN, pp. 2-3.
- (4) "National Security Strategy", p. 20.
- (5) Rice, "A balance of power", p. 3.
- (6) Testimony by Wolfowitz, 19 Sept. 2002.
- (7) The United States Commission on National Security in the 21st Century. "New World coming: American Security in the 21st century", 15 Sept. 1999.
- (8) Rice, *New Perspective Quarterly*, Sept. 2002.
- (9) Rice, *A balance of power*, p.5.